

Bản án số: 32/2025/KDTM-PT
Ngày: 24/2/2025
V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp
đồng xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19, 24 tháng 2 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 236/2024/TLPT-KDTM ngày 15/11/2024 về việc việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2024/KDTM-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 844/2024/QĐ-PT ngày 18/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 876/2024/QĐ-PT ngày 30/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐ-PT ngày 17/1/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần CH;

Có trụ sở tại: Lô CN2X-XX, KCN YP, xã A, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh; Đại diện theo pháp luật: Ông NVC - Chủ tịch; Ông LVH - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà NTTH. (Bà NTTH có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần GZ;

Có trụ sở tại: Tầng X, Tòa nhà N0X-TX, Khu đoàn ngoại giao, B, quận BTL, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông NHT - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: bà NTN, có địa chỉ liên hệ tại: số 44, ngõ 282 đường C, phường D, quận TH, thành phố Hà Nội. (Bà NTN có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NĐT, Bà ĐTD - Luật sư Công ty Luật TNHH ĐH thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có địa chỉ tại: số 44, ngõ 282 đường C, phường D, quận TH, thành phố Hà Nội.

(Bà ĐTD có mặt, ông NĐT vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2024, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/7/2024, các bản tự khai, các biên bản phiên hòa giải tại tòa án, đại diện nguyên đơn bà NTTT trình bày:

Công ty Cổ phần CH (Tên gọi cũ là Công ty TNHH CH) (Gọi tắt là “Công ty CH”) và Công ty cổ phần GZ (Gọi tắt là “Công ty GZ”) có quan hệ hợp tác và ký kết hợp đồng: Hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH, cụ thể, Công ty CH cung cấp và thi công toàn bộ hạng mục: “Cung cấp và thi công lắp đặt kết cấu thép và mái tôn” tại dự án Nhà máy may thời trang RAINDROP Việt Nam (Phạm vi công việc nêu cụ thể tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH). Hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH, cụ thể, Công ty CH thực hiện việc nhận cấp vật tư, sản xuất toàn bộ cấu kiện hạng mục: “Kết cấu thép” tại dự án nhà máy RISUNTEK Việt Nam (Phạm vi công việc nêu cụ thể tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH).

Theo đúng thỏa thuận và các nội dung đã được thống nhất trong các Hợp đồng, Công ty CH đã hoàn thành phạm vi công việc nêu tại Điều 2.1 Hợp đồng, bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán, giấy tờ liên quan, hóa đơn chứng từ cho Công ty GZ không có khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm theo Hợp đồng đã ký kết. Như vậy Công ty CH đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo đúng quy định, ngược lại Công ty GZ chưa thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CH theo đúng cam kết và Hợp đồng hợp tác giữa hai bên. Tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2024, Công ty GZ chưa thanh toán số tiền gốc: 243.755.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng.*). Trong đó:

Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH: Nợ 50.000.000 đồng.

Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH: Nợ 193.755.019 đồng.

Theo cam kết tại công văn số 3112/CV-GZ-RISUNTEX ngày 31/12/2022, Công ty GZ đã cam kết sẽ thanh toán công nợ cho Công ty CH chậm nhất là trong tháng 4/2023. Tuy nhiên, Công ty GZ không có bất kỳ thiện chí tham gia giải quyết khoản phí này.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 43: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng, Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 22/4/2015 quy định chi tiết hợp đồng xây dựng: “2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

Căn cứ Điểm 10.1.10 Khoản 10.1 Điều 10 Hợp đồng quy định: “Nếu Bên A chậm trả cho Bên B vượt quá 15 ngày làm việc theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng này, thì sẽ chịu lãi phạt bằng 150% của lãi suất cơ bản ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm trả”.

Công ty CH áp dụng mức lãi suất và lãi phạt như sau: Mức lãi chậm trả là 13,5%/năm (Căn cứ Công văn của Ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Ninh - ngân hàng nơi Công ty CH mở tài khoản)

Mức lãi phạt do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 13,5%/năm (Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước ngày 29/11/2010 quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam). Vì lý do trên, Công ty CH khởi kiện Công ty cổ phần GZ đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty GZ trả cho Công ty CH số tiền nợ gốc là 243.755.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng.*).

2. Buộc Công ty GZ phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng và khoản lãi chậm trả trên số tiền chậm thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CH với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2024 là 810.009.622 đồng (*Tám trăm mười triệu, không trăm linh chín nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng.*).

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2024 mà Công ty GZ phải thanh toán cho Công ty CH là 1.053.764.641 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng*)

Ngày 05/7/2024 Công ty CH rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, Công ty CH rút yêu cầu đòi nợ gốc với số tiền là 243.755.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng.*).

Đề nghị Tòa buộc Công ty GZ phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng và khoản lãi chậm trả trên số tiền chậm thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CH với tổng số tiền là 813.354.223 đồng (*Tám trăm mười ba triệu, ba trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng*), cụ thể:

Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH: Lãi: 92.782.762 đồng, Phạt: 92.782.762 đồng.

Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH: Lãi: 313.894.350 đồng, Phạt: 313.894.350 đồng.

2. Đại diện theo ủy quyền của của Bị đơn trình bày:

Công ty cổ phần GZ và Công ty TNHH CH (nay là công ty cổ phần CH) có ký Hợp đồng thi công xây dựng tại dự án của nhà máy RAINDROP và RISUNTEK. Tính đến 18/06/2024, Công ty GZ đã thanh toán đủ số tiền còn nợ gốc 243.755.019 đồng còn nợ lại và tiền phạt do hai bên chưa thỏa thuận và thống nhất xong nên xin hoãn lịch hòa giải thương lượng vào sáng thứ 3, ngày 25/06/2024 Tòa án nhân dân quận BTL.

Công ty cổ phần CH yêu cầu Công ty Cổ phần GZ phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng và khoản lãi chậm trả trên số tiền chậm thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CH với tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2024 là 813.354.223 đồng (*Tám trăm mười ba triệu, ba trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng*) và đưa ra căn cứ tính lãi như trên tôi xác nhận là đúng theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, theo tình hình thực tế kinh tế hiện tại của công ty tôi thấy mức lãi phạt là không phù hợp. Công ty GZ chỉ đề

ngiht trả cho Công ty CH 100.000.000 đồng tiền lãi và lãi phạt để khép lại sự việc giữa hai bên.

Công ty Cổ phần GZ có ký kết hai Hợp đồng với Công ty CH. Về nghiệm thu bàn giao và chất lượng công trình công ty tôi không có tranh chấp gì, về hóa đơn VAT công ty đã sử dụng đưa vào quyết toán thuế. Về yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cũng như bị đơn đã tạo điều kiện cho Nguyên đơn khi thi công công trình cũng như khi quyết toán được miễn giảm rất nhiều về chậm tiến độ. Bị đơn đề nghị thanh toán tiền phạt và tiền và lãi chậm trả cho Nguyên đơn là 100.000.000 đồng vì hiện nay công ty Bị đơn rất khó khăn. Về ngày bắt đầu tính lãi và phạt đề nghị Nguyên đơn xem đã trừ đủ 15 ngày làm việc chưa trong 15 ngày sẽ có các ngày nghỉ. Công ty CH yêu cầu với tổng số tiền tính đến ngày 14/6/2024 là **746.399.810 đồng** (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm mười đồng*).

Tại phiên tòa Nguyên đơn tính làm tròn là **700.000.000 đồng** (*Bảy trăm triệu*) và đưa ra căn cứ tính lãi như trên tôi xác nhận là đúng theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, theo tình hình thực tế kinh tế hiện tại của công ty tôi thấy mức lãi phạt là không phù hợp. Công ty GZ chỉ đề nghị trả cho Công ty CH 100.000.000 đồng tiền lãi và lãi phạt để khép lại sự việc giữa hai bên.

** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2024/KDTM-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội đã xử:*

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CH đối với Công ty cổ phần GZ, về việc tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng xây dựng: Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019, Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH năm 2019.

Buộc Công ty cổ phần GZ phải thanh toán cho Công ty cổ phần CH tổng số tiền phạt vi phạm Hợp đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 14/6/2024 là: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

II. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CH đối với Công ty cổ phần GZ đối với số tiền nợ gốc là 243.755.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng*) của Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 và phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019; Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH năm 2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2024/KDTM-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần CH.

** Tại Tòa án cấp phúc thẩm:*

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ bản án vì trước đây người đại diện theo ủy quyền của bên công ty GZ không hiểu rõ nội dung vụ tranh chấp nên có trình bày sai về khoản lãi chậm trả và lãi phạt.

- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc của tiền bảo hành mà bị đơn chậm thanh toán là 243.755.019 đồng. Bị đơn đã thanh toán hết tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (tiền bảo hành) hợp đồng 06092019 ngày 12/10/2022. Thanh toán hết tiền nợ gốc 193.715.019 đồng (tiền bảo hành) của hợp đồng 2019.09.20 ngày 14/6/2024. Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc nói trên. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán khác. Nay nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc của tiền bảo hành 243.755.019 đồng và phạt chậm thanh toán mức lãi 13,5%/năm (Căn cứ Công văn của Ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Ninh - ngân hàng nơi Công ty CH mở tài khoản).

** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:*

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS 2015, xác định kháng cáo của bị đơn hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Hợp đồng RAINDROP- 06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 (hợp đồng 06092019) và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019, Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH (hợp đồng 2019.09.20) giữa CH và GZ được ký kết bởi đại diện theo pháp luật của 2 công ty được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định tại các điều 117, 119, 470, 405 Bộ luật dân sự 2015, điều 138, 139, 141 Luật xây dựng 2014. Do đó, xác định 02 Hợp đồng trên là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

+ Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn:

Thanh toán nợ gốc: Về số nợ gốc nguyên đơn khởi kiện là các khoản bảo hành công trình. Căn cứ vào các tài liệu nguyên đơn có căn cứ xác định nguyên đơn đã thực hiện công việc theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng, đã xuất hóa đơn VAT theo khối lượng thi công từng đợt. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã hoàn thành hồ sơ quyết toán, chỉ giữ lại phần tiền bảo hành công trình. Tuy nhiên bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán khoản tiền này. Trong năm 2021 và 2022, Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn một phần số tiền bảo hành của 2 hợp đồng. Tính đến thời điểm khởi kiện bị đơn còn chưa thanh toán số tiền 243.755.019 đồng, gồm 50.000.000 đồng của hợp đồng 06092019 và 193.715.019 đồng của hợp đồng 2019.09.20. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này là có căn cứ. Trước phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán hết số nợ gốc là **243.755.019** đồng nói trên. Do đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện (đòi nợ gốc) là có căn cứ.

Về yêu cầu phạt do chậm thanh toán: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 4.5 và điều 5.6 của hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH để xác định ngày bị đơn phải thanh toán tiền bảo hành cho nguyên đơn là 10/4/2021. Điều 4.4 và điều 5.6 của hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH để xác định ngày bị đơn phải thanh toán tiền bảo hành cho nguyên đơn là 09/5/2021. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên cùng thống nhất lãi xuất cơ bản tháng 4-5/2021 là 9% / năm. Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các bên buộc bị đơn phải thanh toán tiền

chậm trả cho nguyên đơn theo hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH từ ngày 10/4/2021 đến ngày 12/10/2022 (ngày bị thanh toán xong tiền nợ gốc đã được các bên xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm) lãi xuất 9%/năm; Đối với hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH không quy định về lãi chậm trả của số tiền bảo hành, tuy nhiên căn cứ điều 12 của hợp đồng nên áp dụng lãi chậm thanh toán trong trường hợp các bên không có thỏa thuận là 10%/năm. Do vậy buộc bị đơn phải thanh toán tiền chậm trả cho nguyên đơn theo hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH từ ngày 09/5/2021 đến ngày 14/6/2024 (ngày bị đơn thanh toán xong tiền nợ gốc) là 10%/ năm.

+ Về yêu cầu của nguyên đơn phạt do vi phạm hợp đồng: Tại Điều 146 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 quy định: “Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng *phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng*” và tại khoản 4 quy định các trường hợp bên giao thầu phải bồi thường cho bên nhận thầu. Xét thấy ngoài vi phạm chậm thanh toán và đã bị phạt do chậm thanh toán theo phân tích ở trên, nguyên đơn không vi phạm điều khoản nào khác. Cả 2 hợp đồng không có quy định về việc phạt vi phạm hợp đồng giữa các bên. Ngoài vi phạm về thời hạn thanh toán, bị đơn không vi phạm vào các trường hợp bên giao thầu phải chịu bồi thường theo khoản 4 điều 146 Luật xây dựng 2015. Hợp đồng đã được thực hiện, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, trong thời gian từ khi quyết toán, nghiệm thu công trình, nguyên đơn chỉ có yêu cầu bị đơn thanh toán tiền bảo hành công trình. Do đó yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục kháng cáo:

- Đơn kháng cáo của Bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng xây dựng nên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn là Công ty Cổ phần GZ; có trụ sở tại: Tầng X, Tòa nhà N0X-TX, Khu đoàn ngoại giao, B, quận BTL, thành phố Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 cùng Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019 và Hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH giữa nguyên đơn với bị đơn được đại diện hợp pháp các bên tham gia ký kết tự nguyện, đúng pháp luật. Các bên không có ý kiến gì về các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết. Bị đơn đã thanh toán hết tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (tiền bảo hành) hợp đồng 06092019 ngày 12/10/2022. Thanh toán hết tiền nợ gốc 193.715.019 đồng (tiền bảo hành) của

hợp đồng 2019.09.20 ngày 14/6/2024, nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên hội đồng xét xử không xem xét.

2.1. Xét ý kiến kháng cáo của bị đơn về lãi chậm thanh toán, hội đồng xét xử thấy: Quá trình thực hiện các hợp nêu trên nguyên đơn đã cung cấp và thi công xong toàn bộ khối lượng công việc đã thỏa thuận, các bên đã cùng nhau ký biên bản nghiệm thu hoàn thành bảo hành của hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH và hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH tại các ngày 31/3/2021 và 29/4/2021. Theo quy định tại điều 4.5 và điều 5.6 của hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH thì ngày bị đơn phải thanh toán tiền bảo hành cho nguyên đơn là 10/4/2021. Theo quy định tại điều 4.4 và điều 5.6 của hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH thì ngày bị đơn phải thanh toán tiền bảo hành cho nguyên đơn là 09/5/2021.

Xét hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH quy định về lãi chậm thanh toán của số tiền bảo hành tại điều 5.6 là lãi suất cơ bản của ngân hàng mà bên nguyên đơn giao dịch ghi trong hợp đồng tại thời điểm chậm thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên cùng thống nhất lãi xuất cơ bản tháng 4-5/2021 là 9%/năm. Do vậy hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên buộc bị đơn phải thanh toán tiền chậm trả cho nguyên đơn theo hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH từ ngày 10/4/2021 đến ngày 12/10/2022 (ngày bị đơn thanh toán xong tiền nợ gốc đã được các bên xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm) là 550 ngày. Tổng tiền là **50.000.000đ x 0,0247 %/ ngày x 550 ngày = 6.792.500đ.**

Xét hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH không quy định về lãi chậm trả của số tiền bảo hành, tuy nhiên tại điều 12 của hợp đồng có quy định về việc “ Những quan hệ ràng buộc khác khi thực hiện hợp đồng chưa đề cập trong hợp đồng này sẽ tuân theo bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/11/2015 ”. Do vậy áp dụng điều 357 và khoản 2 điều 468 BLDS buộc bị đơn phải thanh toán tiền chậm trả cho nguyên đơn theo hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH từ ngày 09/5/2021 đến ngày 14/6/2024 (ngày bị đơn thanh toán xong tiền nợ gốc) là 1132 ngày tiền lãi chậm thanh toán trong trường hợp các bên không có thỏa thuận là 10%/ năm. Tổng tiền là **193.755.019đx0,0274 %/ngày x1132 ngày = 60.096. 606đ.**

2.2. Xét ý kiến kháng cáo của bị đơn về lãi phạt, hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 146 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 quy định: “Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng . Theo quy định tại khoản 10.1.10 của 2 hợp đồng nói trên quy định: “*Nếu Bên A chậm trả cho Bên B vượt quá 15 ngày làm việc theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng này, thì sẽ chịu lãi phạt bằng 150% của lãi suất cơ bản ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm trả*”. Theo quy định tại điều 4.3 về điều khoản thanh toán lại không quy định về thanh toán bảo hành. Hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH và hợp đồng số RST/2019.09.20/GZ-CH không có điều khoản quy định về phạt hợp đồng khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hành. Tại điều 12 của hợp đồng có quy định về việc “Những quan hệ ràng buộc khác khi thực hiện hợp đồng chưa đề cập trong hợp đồng này sẽ tuân theo bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/11/2015”, tuy nhiên bộ luật dân sự cũng quy định “Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng”. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt hợp đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không được tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải chịu. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 138, 139, 144, 146 Luật Xây dựng,

- Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

2. Sửa bản án 20/2024/KDTM-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CH đối với Công ty cổ phần GZ, về việc tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng xây dựng: Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019, Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH năm 2019.

Buộc Công ty cổ phần GZ phải thanh toán cho Công ty cổ phần CH tổng số tiền lãi chậm thanh toán tính theo hợp đồng thi công xây dựng số RAINDROP-06092019/GZ-CH từ ngày 10/4/2021 đến ngày 12/10/2022 đến ngày 14/6/2024 là **6.792.500 đồng**.

Buộc Công ty cổ phần GZ phải thanh toán cho Công ty cổ phần CH tổng số tiền lãi chậm thanh toán tính theo hợp đồng thi công xây dựng số RST/2019.09.20/GZ-CH từ ngày 09/5/2021 đến ngày 14/6/2024 là **60.096.606 đồng**.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CH đối với Công ty cổ phần GZ về yêu cầu thanh toán lãi phạt của Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 và Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH năm 2019 với số tiền **633.110.894 đồng**.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần CH đối với Công ty cổ phần GZ đối với số tiền nợ gốc là 243.755.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng*) của 02 Hợp đồng RAINDROP-06092019/GZ-CH ngày 06/9/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 11/11/2019, Hợp đồng RST/2019.09.20/GZ-CH năm 2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần GZ phải chịu 3.344.445 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty cổ phần CH phải chịu 29.324.436 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty đã nộp tạm ứng 21.634.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0021471 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL. Còn phải nộp 7.690.436 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty cổ phần GZ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai số 0021853 ngày 21/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận BTL;
- TAND quận BTL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuyết Mai